

Phẩm 11: THẬP TRÚ

Phân biệt có năm:

1) Giải thích tên gọi Thập Trú, tức là phân rõ ý đưa ra. Thập là số đếm, Trú là phần vị không lui sụt. Vì sao đưa ra? Bởi vì chính thức nói đến.

2) Trình bày về đối trị, là trăm chương trước đây thuận theo phần vị mà đoạn, nếu là ba Thừa thì do thuận thực giáo pháp mà đoạn chấp ngã của ngoại đạo.

3) Đã đạt được ánh sáng tăng thêm Định và căn thiện thuộc về Đảnh.

4) Đã thành tựu chính là thành tựu mười hiểu biết(Giải), tức là nói thuận thực giáo pháp của ba Thừa, chính là Tông của phẩm này.

5) Giải thích văn. Từ sau phẩm thứ ba phân làm Chánh Tông. Hai phẩm trong này tức là hai: Một, phẩm đầu gồm chung đạo-tục; hai, phẩm Phạm Hạnh là pháp hành riêng biệt của xuất gia. Phẩm đầu như nghĩa phân văn.

Phẩm đầu này có ba Tựa, Pháp sư Quang nói có tám Tựa làm thành ba, phẩm đầu có hai Tựa hợp lại gọi là Tựa về Trú xứ, phẩm tiếp theo có ba Tựa hợp lại gọi là Tựa về Tập chúng, phẩm này có ba Tựa hợp lại gọi là Tựa về Khởi thuyết.

Lại dựa vào phẩm Thập Địa sau ba Hội này đều có sáu phần:

- 1) Gọi là phần Tam-muội.
- 2) Phần gia hộ.
- 3) Phần khởi định.
- 4) Phần căn bản.
- 5) Phần tuyên thuyết.
- 6) Phần lợi ích.

Phạm vi đến văn nên biết. Nhưng văn này có hai: Một, trình bày Tựa về Tam-muội; hai, từ “Cáo chúng Bồ-tát ngôn...” trở xuống là Chánh Tông.

Tựa về Tam-muội đặc biệt chú ý đã phân rõ trước đây. Định gọi là Vô lượng phương tiện Định, phương tiện là Trí, bởi vì Định thành tựu Trí thù thắng nhận biết về pháp. Nguyên cơ Bồ-tát Pháp Tuệ nhập định và thuyết giảng thì như phần luận sau nên biết.

Hai, Tựa về gia hộ có ba: Một, phân rõ về cùng gia hộ, phần này có ba, một là trình bày về hiện thân và hiển bày cùng tên gọi tức là hai, hai là cùng ca ngợi cũng có hai có thể biết, ba là giải thích về nguyên

có đạt được có bốn có thể biết. Hai, từ “Dục linh nhữ quảng thuyết...” trở xuống trình bày gia hộ bằng việc làm có mười một câu, một câu là tổng quát, chín câu là riêng biệt, cuối cùng một câu là kết luận thành tựu phần vị. Thứ hai trong chín câu, năm câu đầu là phần mình, bốn câu tiếp theo là thắng tiến mà thôi. Ba, từ “Thiện nam tử...” trở xuống phân rõ về tướng gia hộ, đó là ba nghiệp. Văn về tướng gia hộ có ba: Một từ “Thiện nam tử...” trở xuống phân rõ về khẩu gia hộ; hai từ “Như Lai tức dữ...” trở xuống trình bày về ý gia hộ; ba từ “Các thân...” trở xuống là thân nghiệp gia hộ. Thế nào là ý gia hộ? Bởi vì trao cho pháp cùng duyên giúp đỡ. Văn về ý gia hộ có hai: Một là nêu ra mười Trí; hai là từ “Hà dĩ cố...” trở xuống giải thích về nguyên cố.

Hỏi: Vì sao trao cho Trí?

Đáp: Bởi vì Trí hiểu pháp.

Khởi định có bốn ý:

- 1) Sự nhập định kết thúc.
- 2) Đạt được lực thù thắng.
- 3) Thời gian thuyết đã đến.
- 4) Bởi vì Định không có ngôn thuyết.

Thứ hai là văn chính thức tuyên thuyết có bốn: Một, ca ngợi chủng tánh sâu xa thù thắng, đồng thời nêu ra mười tên gọi, tức là phần căn bản; hai, từ “Hà giả...” trở xuống mở rộng giải thích về tướng của Trí; ba, từ “Nhĩ thời Phật thân lực cố...” trở xuống trình bày về mặt đất chấn động, hiển bày thành tựu Thật chứng; bốn, dùng kệ để tụng lại.

Văn thứ nhất có hai: Một, tổng quát về nghĩa ca ngợi chủng tánh, tức là Thể về tánh của hai loại Tánh-Tập; hai, từ “Bồ-tát Thập Trí...” trở xuống nêu ra tướng của mười Giải, trình bày về Phật cùng thuyết, tức là tướng về tánh của hai loại Tánh-Tập. Đây là dựa theo Khế tánh mà nói.

Nếu dựa vào phần vị thì tức là có sáu loại tánh:

- 1) Tập chủng tánh là phần vị Thập Giải.
- 2) Tánh chủng tánh là Thập Hạnh.
- 3) Đạo chủng tánh là Thập Hồi Hương.
- 4) Thánh chủng tánh là Thập Địa.
- 5) Đẳng giác tánh là tâm cuối cùng của Thập Địa.
- 6) Diệu giác tánh là Phật Địa.

Lại gọi là sáu Kiên, đó là Kiên Tín, Kiên Pháp, Kiên Tu, Kiên Đức, Kiên Đảnh, Kiên Giác; cũng gọi là sáu Nhẫn, đó là Tín Nhẫn, Pháp Nhẫn, Tu Nhẫn, Chánh Nhẫn, Vô cấu Nhẫn, Nhất thiết trí Nhẫn.

Lại gọi là sáu Tuệ, đó là Văn Tuệ, Tư Tuệ, Tu Tuệ, Vô tướng Tuệ, Chiếu Tuệ, Tịch chiếu Tuệ; cũng gọi là sáu Quán: Trú Quán, Hạnh Quán, Hưởng Quán, Địa Quán, Vô tướng Quán, Nhất thiết chủng trí Quán. Đây là căn cứ theo ba Thừa dựa vào phần vị mà nói. Trong này, trong Thập Giải-Thập Hạnh, trong sáu quyết định chỉ không có Đại thiện quyết định; Thập Hồi Hưởng chỉ có Quán tướng thiện-Đại thiện và không khiếm nhược, ba loại còn lại đều không có. Sở dĩ có Đại thiện và không có ba loại còn lại, bởi vì Hồi Hưởng là hiển bày thành tựu trong sự phương tiện cho nên Đại thiện hiển bày; ba loại còn lại không có là bởi vì nghĩa ẩn kín cho nên không nói, Quán tướng... có thể biết. Thập Giải-Thập Hạnh... vì sao không có Đại thiện? Vì Giải-Hạnh là hiển bày về nghĩa của Tự hành cho nên không có, còn lại suy nghĩ có thể biết.

Văn phần một về Thử có hai: Một là nói tổng quát cho biết, hai là trình bày riêng biệt về sáu quyết định.

Văn phần hai về Tướng của Giải có ba: Một là nêu ra số để dẫn chứng về lập Tông, hai là riêng biệt nêu ra có hai có thể biết, ba là dẫn chứng kết luận.

Tên gọi về Thập Giải:

- 1) Kỳ hạn trước phát tâm.
- 2) Sửa trị phần vị (địa), diệt trừ phiền não, phát sinh tự lợi-lợi tha.
- 3) Tu tập thực hành Định, thành tựu hai loại trước mà thôi.
- 4) Sinh khởi hạnh thù thắng thành tựu, sinh vào nhà Phật.
- 5) Phương tiện đầy đủ, trọn vẹn hạnh tự-tha.
- 6) Trú trong Chánh tâm, đạt được Chánh giải về duyên khởi.
- 7) Không thối chuyển, Lý-Lượng Chỉ-Quán cùng thực hành.
- 8) Đồng chân Vô sinh, dùng diệu giải để lập thân, như trẻ thơ không nhiễm ô.
- 9) Vốn là con của đấng Pháp Vương cho nên khéo léo thực hành giáo pháp của Phật.
- 10) Phần vị Quán Đảnh đầy đủ cho nên tiếp nhận chức vụ tương ứng. Đây chính là hành tướng của các phần vị sau.

Văn thứ hai là mở rộng phân rõ, mỗi một Trú đều có bốn đoạn: Một, hỏi về nêu ra tên gọi; hai, phân rõ về tướng của Giải có ba, đầu là tổng quát, hai là giải thích, ba là kết luận; ba, trình bày trợ hạnh thắng tiến dựa vào tu cũng có ba là thiết lập-giải thích-kết luận, về sau đều giống như vậy, cũng có thể ngay phần vị mà tu tập; bốn, từ “Hà dĩ cố...”

trở xuống giải thích về ý của Học.

Chỉ riêng Trú thứ nhất và Trú thứ mười có sáu câu:

1) Nhắc lại dựa vào câu hỏi.

2) Phân rõ về duyên phát tâm có sáu câu.

3) Phân rõ về Thể của hạnh, phần này có ba câu: Một là Thể của phát tâm có bốn Duyên, bốn Nhân, bốn Lực. Bốn Duyên: Một là thấy nghe Đại sự về thần thông của Bồ-tát và Phật, hai là nghe pháp, ba là hộ pháp ở thời gian cuối cùng, bốn là thấy chúng sanh khổ cho nên phát tâm. Bốn Nhân: Một là chủng tánh nhân duyên, hai là Phật Bồ-tát đều làm thiện hữu, ba là khởi tâm Đại Bi, bốn là không sợ mọi khó khăn. Bốn Lực là Tự lực, Tha lực, Nhân lực, Phương tiện lực, như luận Địa Trì nói. Hai là đã phát khởi. Ba là không thối chuyển, phần này có hai nghĩa: Một, nếu dựa theo Nhất thừa Thông giáo, tiến vào phần vị Thập Trú thì bốn thối chuyển...đều không có; hai, nếu dựa vào ba Thừa, thì từ Thập Địa trở về sau có Niệm thối chuyển, Địa tiền có Hạnh thối chuyển-Vị thối chuyển, không tiến lên-lùi lại cũng thối chuyển, Thập Tín trở về trước có thật sự thối chuyển, về sau mười tín có thị hiện thối chuyển. Đây là dựa theo phần vị mà nói.

4) Trình bày về sự chứng đắc.

5) Trình bày về Học.

6) Phân rõ về ý của Học trước đây.

Vả lại, các văn sau này đều có ba: Một là hỏi, hai là đáp, ba là phân rõ về công năng thành tựu hạnh thù thắng. Văn này có ba: Một, vận hỏi; hai, phân rõ ý; ba, trình bày về đức đã thành tựu. Các phần vị đều giống như vậy, cũng có thể gồm chung giải thích mà thôi. Tức là tự giải thích gồm chung nhân quả, nghĩa ấy có ba: Một là không nhờ vào những giáo Tiểu thừa khác mà hiểu, hai là không nhờ vào cảnh của giáo khác mà thành tựu, ba là không nhờ vào tánh khác mà Tập riêng biệt. Văn sau giải thích đều có giống và khác, suy nghĩ thì có thể biết mà thôi.

Trong phần hai: Sửa trị phần vị (địa), mười câu đầu giống như mười loại Tập của Địa thứ hai, mười câu sau giống như Tập trong quả làm cho các chúng sinh rời bỏ điên đảo trú vào Chánh kiến...

Trong phần ba: Tu tập thực hành, mười câu trước giống như thực hành bảo vệ phiền não của Địa thứ ba, mười câu sau giống như bảo vệ Tiểu thừa.

Trong phần bốn: Sinh khởi hạnh thù thắng, mười câu đầu giống như mười loại Pháp trí của Địa thứ tư, mười câu sau giống như phẩm Tu

đạo....

Trong phần năm: Phương tiện đầy đủ, mười câu đầu giống như quán Đại Từ... của Địa thứ năm, mười câu sau giống như quán Đại Bi vì khổ sâu nặng.

Trong phần sáu: Trú trong Chánh tâm, mười câu đầu giống như câu thứ mười trong mười bình đẳng của Địa thứ sáu, mười câu sau giống như chín bình đẳng trước.

Trong phần bảy: Không thối chuyển, mười câu đầu giống như mười loại đối trị về Lạc-Vô tác của Địa thứ bảy, mười câu sau giống như đối trị về chướng ấy, cũng giống như phần thực hành song song. Thối chuyển có bốn loại: Một là Vị, hai là Hạnh, ba là Niệm, bốn là thuận theo đạt được không đạt được, trong này không có bốn thối chuyển...

Trong phần tám: Đồng chân Vô sinh, mười câu đầu giống như từ thế nào là thân cho đến cúng dường Phật... trong phần thắng hạnh của Địa thứ tám, mười câu sau giống như tự tại trong ba thế gian của Địa ấy.

Trong phần chín: Vốn là con của đấng Pháp Vương, mười câu đầu giống như trí thành tựu tiến vào hạnh... của Địa thứ chín, mười câu sau giống như văn về Pháp sư thành tựu khẩu nghiệp... của Địa ấy.

Trong phần mười: Phần vị Quán Đảnh có năm: Một, nêu ra tên gọi; hai, mở rộng giải thích; ba, hiển bày thù thắng; bốn, tiến lên học hỏi; năm, loại trừ nghi ngờ. Mười câu thứ nhất giống như phần Tam-muội của Địa thứ mười, mười câu thứ hai giống như phần tiếp nhận phần vị của Địa ấy, mười câu thứ ba giống như phần không còn Đại của Địa ấy, tức là tiến vào an trú và rời ra.

Trên đây là dựa vào Nhất thừa phát sinh niềm tin mà nói; nếu căn cứ theo ba Thừa thì dựa vào phần vị quán sát riêng biệt, như trải qua lâu dài trong Trú thứ nhất, tập hợp tất cả căn thiện trở thành bốn thế nguyện rộng lớn, chúng sinh chưa thoát khỏi Khổ thì giúp cho thoát khỏi, chưa hiểu rõ Tập thì giúp cho hiểu rõ, chưa an ổn trong Đạo thì giúp cho an ổn, chưa đạt được Diệt thì giúp cho đạt được Diệt.

Trong Trú thứ hai, tu tập vô lượng hành thiện, đó là bốn Niệm quán Thân-Thọ-Tâm-Pháp, bốn pháp này đều là Không.

Trong Trú thứ ba, khéo léo tập hợp về đạo pháp của Phật, đó là quán về mười Nhất thiết nhập, bốn Đại, bốn Sắc, Không xứ, Thức xứ đều như thật tướng.

Trong Trú thứ tư, trước tất cả chư Phật thọ pháp mà thực hành quán sát về tám Thắng xứ, hai Thắng xứ về tướng mở rộng-tướng tóm

lược trong năm Ấm chân thật bên trong, hai Thắng xứ về tướng mở rộng-tướng tóm lược trong chúng sinh pháp giả tạm bên ngoài, bốn Thắng xứ về mở rộng-tóm lược pháp của bốn Đại, như vậy quán sát tất cả các pháp là Không-Vô tướng.

Trong Trú thứ năm, tu tập các pháp thanh tịnh, đó là tám điều giác ngộ của bậc Đại Nhân, ít muốn, biết đủ, vắng lặng, tinh tiến, chánh niệm, chánh định, chánh tuệ, không tranh luận, thuận theo tất cả các pháp.

Trong Trú thứ sáu, được chư Phật gia hộ, quán sát tám Giải thoát đạt được Văn tuệ, hai tướng giả tạm bên trong-giả tạm bên ngoài không thể đạt được; một Giải thoát về Tư tuệ, năm pháp bên trong-tất cả các pháp bên ngoài không thể đạt được; hai Giải thoát về Tu tuệ, sáu quán đầy đủ, năm Ấm của cõi Sắc là Không; ba Giải thoát về bốn Không-năm Ấm và Diệt định quán đều không thể đạt được; năm Giải thoát như tướng.

Trong Trú thứ bảy mở rộng về pháp chính, đó là sáu hòa kính, ba nghiệp, đồng giới, đồng kiến, đồng hạnh, tiến vào pháp hòa này hoàn toàn là Không, trú trong phần vị không thối chuyển.

Trong Trú thứ tám, tin tưởng vui với Đại pháp, đó là ba xứ, tất cả các nhân vốn là Vô tác, tất cả các quả vốn là Vô tướng, nhân Không và quả Không, Không cũng Không cho nên là Không Không, như vậy các pháp như hư không.

Trong Trú thứ chín, trú vào bốn pháp bình đẳng, đó là hóa độ chúng sinh theo giáo pháp bốn Đế, ba cõi không vui là Khổ, Vô minh là nhân của Tập thọ sinh vô cùng, ba Không là phẩm loại của Đạo, tự nhiên vắng lặng là Diệt, bốn Đế không hai, vốn là một tướng hòa hợp, tức là chúng sanh duyên-pháp duyên và vô duyên.

Trong Trú thứ mười, mong cầu công đức của Phật, đó là sáu niệm về Phật-Pháp-Tăng- Giới-Xả-Thiên, có thể từng niệm từng niệm tiến vào tất cả công đức của Phật, không dựa theo Tam-muội, bởi vì thường xuyên tu tập. Đây là căn cứ theo ba Thừa dựa vào phần vị mà quán sát.

Văn thứ ba là hiển bày thành tựu Thật chứng có hai: Một, mặt đất chấn động hiển bày về Thật; hai, từ “Phật thần lực...” trở xuống là Bồ-tát thành tựu Thật chứng. Văn trước có ba:

- 1) Mặt đất chấn động.
- 2) Mưa hoa.
- 3) Chẳng khác gì các thế giới ở mười phương.

Văn phần hai Bồ-tát Thật chứng có hai: Một là Bồ-tát thành tựu Thật chứng, hai là kết luận về pháp giới bình đẳng rộng khắp. Văn phần trước có bốn câu có thể biết, trong phần hai là kết luận có hai có thể biết.

Văn thứ tư là trùng tụng có hai trăm lẻ ba kệ, có hai: Một, một trăm tám mươi lăm kệ đầu tụng về tướng của Thập Giải; hai, từ “Như thị Thập Trú chư Bồ-tát...” trở xuống có mười tám kệ, tổng quát tụng về Thập Trú, kết luận ca ngợi khuyến khích tu tập.

Phần một là văn chính tụng có mười:

1) Chín mươi kệ đầu tụng về Trú thứ nhất.

2) Tiếp theo sửa trị phần vị(địa) thứ hai trở xuống tụng về Trú thứ hai, còn lại đều có thể biết.

Văn phần một có ba: Một, đối với ba mươi lăm sự việc mở rộng thành tựu Thể của phát tâm; hai, từ “Bồ-tát như thị pháp tâm dĩ...” trở xuống phân rõ về Dụng của Trú thứ nhất; ba, từ “Thị thuyết Bồ-tát...” trở xuống là kết luận.

Trong sửa trị phần vị, bốn kệ đầu tụng về Giải, tám kệ sau tụng về công hạnh đã học. Tu tập thực hành, bốn tụng trước là Giải, sáu tụng sau là công hạnh đã học. Sinh khởi hạnh thù thắng, sáu tụng trước là Giải, sáu tụng sau là công hạnh. Phương tiện đầy đủ, sáu tụng trước là Giải, ba tụng sau là công hạnh. Trú trong Chánh tâm, tám tụng trước là Giải, hai tụng sau là công hạnh. Không thối chuyển, bốn tụng trước là Giải, bốn tụng sau là công hạnh. Đồng chân Vô sinh, sáu tụng trước là Giải, bốn tụng sau là công hạnh. Vốn là con của đấng Pháp Vương, bốn tụng trước là Giải, hai tụng sau là công hạnh. Phần vị Quán Đảnh, mười tụng trước là Thể của đức, hai tụng sau là tướng của phần vị Trú, bốn tụng sau cùng là thực hành phương tiện.

Văn phần hai là kết luận ca ngợi có hai: Mười bốn kệ đầu là tổng quát tụng về Thập Trú khó biết, bốn kệ tiếp theo là kết luận không thể nào nói hết.

Phẩm 12: PHẠM HẠNH

Bốn môn giống như trước:

1) Giải thích tên gọi. Rất thanh tịnh trong hạnh cho nên gọi là Phạm hạnh. Chủ yếu luận về Phạm có hai, đó là Báo và phương tiện. Bắt đầu tu tập là Tịnh, thành tựu là Phạm. Nếu dựa vào Báo, thì cõi Dục là Tịnh, cõi Sắc là Phạm. Nếu dựa theo Tự lợi-lợi tha, thì Tự lợi là Tịnh, Lợi tha là Phạm. Vì vậy kinh Niết-bàn nói: Ba Học là Thánh hạnh thù thắng, bốn Vô lượng là Phạm.

2) Trình bày về ý đưa ra. Vì sao đưa ra? Tiến đạo có nhiều phương pháp, thuận theo tướng phân hai, đó là Tăng và Tục. Tục bởi vì thuận theo Lợi tha không có phương pháp lợi ích cho chúng sinh, cho nên không trú trong phạm vi của hạnh. Tăng bởi vì thuận theo Tự lợi, không thể tùy tiện hủy hoại hình dáng oai nghi xuất thế, cho nên chỉ thành tựu về nội quán. Vì thế trong phẩm loại phân vi phân rõ người xuất gia chỉ thành tựu Tam-muội.

Hỏi: Các Hội trước đây vì sao không nói đến phẩm này?

Đáp: Có hai ý, một là hạnh trong này yếu kém, hai là bởi vì trước nối thông sau.

Hỏi: Trong Thập Tín vì sao không trình bày về phẩm này?

Đáp: Phần Chánh Tông này là làm sáng tỏ lấy pháp thành tựu người, không lấy người thành tựu pháp. Sao gọi là người thành tựu pháp? Bởi vì pháp không có cao thấp, tùy theo căn tánh của con người, hiển bày về pháp có tinh-thô. Thập Tín hiểu về pháp chưa rõ ràng, cho nên không thể dùng pháp thành tựu người. Thập Tín hiểu biết kém cỏi, cho nên chỉ tùy theo Tín căn mà xác định về pháp. Nếu nói về hình thức hạn chế, thì các kiến chấp lại tăng lên mà không thành tựu Chánh Tín.

Hỏi: Phạm hạnh phát tâm sáng tỏ về pháp, vì sao không nối thông với ba Hội sau?

Đáp: Về lý thì có, bởi vì phẩm này tương tự với phẩm kia mà thôi.

3) Phân rõ về Tông. Quán sát về lý Vô niệm là hành Niết-bàn hoàn toàn vắng lặng, là quả của Tự Thể, tức là Tông của phẩm này.

Lại hỏi: Trong này bắt đầu trình bày về nhân Sơ phát tâm của Thập Trú, vì sao lại nói là hành của quả?

Đáp: Bởi vì đây là trình bày về tự Thể chân thật của phát tâm, Thể hợp với thời gian sau bao gồm không ngoài, lại là quả trong tự Thể của phát tâm, không có hành hý luận mà thôi. Vì thế cuối phẩm kết

luận rằng: Lúc mới phát tâm đã thành Chánh giác, đầy đủ thân Tuệ không do người khác mà giác ngộ.

4) Giải thích văn. Văn này có hai: Đầu là hỏi, sau là đáp. Nguyên cớ Thiên tử Chánh Niệm hỏi là biểu thị từ Định mà hiển bày lý. Vả lại, Chánh Niệm không hư vọng, Báo thanh tịnh có thể tiếp nhận.

Văn hỏi có bốn: Một, hỏi tổng quát; hai, nhắc lại sự việc; ba, phần mình thành tựu hạnh xuất gia; bốn, từ “Tốc thànhh...” trở xuống là thẳng tiến trình bày về phần khác, và cảnh giới Phật.

Lại hỏi: Phẩm Tịnh Hạnh trước đây vì sao cùng trình bày về tại gia và xuất gia, phẩm này thì không như vậy? Đáp: Trước đây vì Tín căn yếu kém, mới cùng trình bày dựa theo duyên tu tướng thay đổi nơi chốn, trong phẩm này trở đi hiểu pháp trình bày về tướng xuất gia, muốn trình bày về tự Thể lìa tánh duyên khởi chứ không phải là đoạn cho nên lìa, điều này như kinh Duy-ma nói.

Văn trả lời có ba: Một, trả lời về phần mình trước đây; hai, từ “Hựu phục tu tập tăng thượng thập pháp...” trở xuống là trả lời câu hỏi về phần khác trước đây; ba, từ “Bồ-tát như thị quán giả...” trở xuống là kết luận về Phạm hạnh thành tựu lợi ích mà thôi.

Văn phần một có ba: Một phân rõ về Tâm Tư, hai từ “Chánh Niệm...” trở xuống là phân rõ về Chánh quán, ba từ “Thị danh...” trở xuống là kết luận.

Văn về Tâm Tư có hai: Một, phân rõ về Tâm Tư; hai, từ “Hựu tri quá khứ...” trở xuống trình bày về như thật. Một về Tâm Tư lại phân ba:

1) Nêu ra mười pháp trình bày về sở quán, phần này có hai, một là tổng quát, hai là riêng biệt.

2) Từ “Ứng như thị...” trở xuống chính thức trình bày về quán.

3) Từ “Đương như thị...” trở xuống là kết luận. Thế nào là Thể của Phạm hạnh? Chính là Chánh trí phát ra từ trong tự Thể của lý chân thật. Vì sao Bồ-tát Pháp Tuệ nói ra? Bởi vì tánh đức viên thông nếu không phải là tuệ thuận theo pháp thì không sáng tỏ.

Trong Thập Trú thì sáu Trú trước là hành và duyên của hành, bốn Trú là cảnh của Tín cho nên chỉ nói đến loại ấy, tướng còn lại có thể biết. Văn về như thật có hai:

1) Phân rõ về Quán hành.

2) Từ “Thử Phạm hạnh pháp...” trở xuống là trở lại nghiệm xét.

Thứ hai là Bồ-tát Chánh niệm không chướng ngại là phân rõ về Chánh quán, văn có ba:

Một, phân rõ về Vô tướng; hai, từ “Như thị quán giả...” trở xuống là phân rõ về Y tha Vô sinh; ba, từ “Nhất thiết Phật...” trở xuống là phân rõ về pháp chân thật vô tánh, ví dụ có thể biết.

Thứ hai về Thắng tiến, văn có ba: 1-Tự lợi có bốn câu, đó là thiết lập-hỏi-đáp-kết luận có thể biết; 2-Từ “Như thị quán sát...” trở xuống là trình bày về Lợi tha; 3-Từ “Như huyễn...” trở xuống là nói về dụ. Hai loại trước không có Thể như huyễn, hiện rõ thật sự như mộng, khởi dụng như điện chớp, duyên tụ hội như tiếng vang, thành tựu sự việc như biến hóa.

Thứ ba là văn kết luận về Tự lợi-lợi tha, cũng có thể là trả lời về câu hỏi nhanh chóng thành tựu trước đây, cũng có hai:

- 1) Nhắc lại.
- 2) Kết luận về lợi ích.

Văn về lợi ích có hai: Một, kết luận về ít hành-nhiều công năng trước đây, có hai có thể biết; hai, từ “Sơ phát tâm thời...” trở xuống là thành tựu nhanh chóng, nguyên cơ có hai có thể biết. Nói đến tức là Bồ-đề thì có hai:

- 1) Dựa theo phần vị tức là Bồ-đề của Thập Giải;
- 2) Dựa theo Giải sáng tỏ về Chánh lý.

Còn lại Tín-Hạnh-Chứng... theo đây mà biết. Vả lại, ngay Phổ Hiền chứng được tự Thể viên minh, cứu cánh nhân quả, đây là Giải dựa theo Nhất thừa mà thôi.
